

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt số lượng học sinh hưởng chính sách theo
Nghị định số 238/2025/NĐ-CP, ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ
Năm học 2025-2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT KON TUM

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP, ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Biên bản số 103/BB-THPTKT, ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Trường THPT Kon Tum về việc xét duyệt học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ Năm học 2025-2026;

Xét đề nghị của Kế toán - Trường THPT Kon Tum,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt số lượng học sinh được hưởng chính sách theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP, ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ, năm học 2025-2026. Gồm 18 học sinh có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Kế toán phối hợp với Giáo viên chủ nhiệm tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời công khai đúng đối tượng.

Điều 3. Các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hải Nam

DANH SÁCH HỌC SINH HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 238/2025/NĐ-CP

NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm Quyết định số: QĐ-THPTKT, ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Trường THPT Kon Tum)

STT	Họ và tên	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú	Thuộc đối tượng	Số tiền/ tháng (đ)	Số tháng	Số tiền hỗ trợ (đ)	Ghi chú
1	Nguyễn Hồ Thiên Phú	10A6	Kinh	Thôn Kon Jiri Xút, xã Đắk Rơ Wa, tỉnh Quảng Ngãi	Thôn DBKK	150.000	9	1.350.000	
2	Nguyễn Văn Đức	10A8	Kinh	Thôn Kon Jiri Xút, xã Đắk Rơ Wa, tỉnh Quảng Ngãi	Thôn DBKK	150.000	9	1.350.000	
3	Trần Thị Hoài Thương	10A10	Kinh	Thôn Kon Hring, xã Đắk Blá, tỉnh Quảng Ngãi	Hộ nghèo	150.000	9	1.350.000	
4	Dương Bùi Tuấn Tài	10A11	Kinh	Thôn Kon Jiri Xút, xã Đắk Rơ Wa, tỉnh Quảng Ngãi	Thôn DBKK	150.000	9	1.350.000	
5	Y Du	10A12	Xơ Đăng	Thôn Krong Duân, xã Đắk Pxi, tỉnh Quảng Ngãi	Thôn DBKK	150.000	9	1.350.000	
6	Y Nga	10A12	Xơ Đăng	Thôn Đắk Rơ Wang, xã Đắk Pxi, tỉnh Quảng Ngãi	Thôn DBKK	150.000	9	1.350.000	
7	Y Hữu	10A12	Xơ Đăng	Thôn Đắk Kon, xã Ngọc Ty, tỉnh Quảng Ngãi	Thôn DBKK	150.000	9	1.350.000	
8	Y Hành	10A12	Xơ Đăng	Thôn Đắk Mạnh II, xã Ngọc Ty, tỉnh Quảng Ngãi	Thôn DBKK	150.000	9	1.350.000	
9	Y Mỹ Lam	10A12	Xơ Đăng	Thôn Đắk Xế Kơ Ne, xã Đắk Pxi, tỉnh Quảng Ngãi	Thôn DBKK	150.000	9	1.350.000	
10	Hoàng Kim Ánh Nguyệt	11B10	Kinh	Thôn Kon Jiri Xút, xã Đắk Rơ Wa, tỉnh Quảng Ngãi	Thôn DBKK	150.000	9	1.350.000	

STT	Họ và tên	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú	Thuộc đối tượng	Số tiền/ tháng (đ)	Số tháng	Số tiền hỗ trợ (đ)	Ghi chú
11	Trần Thị Ngọc Lan	11B10	Kinh	Tổ 4, P. Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi	Khuyết tật	150.000	9	1.350.000	
12	Trần Thị Nhật Linh	11B10	Kinh	Thôn Kon Droi, xã Đắk Rơ Wà, tỉnh Quảng Ngãi	Thôn DBKK	150.000	9	1.350.000	
13	Nguyễn Công Gia Bảo	11B11	Kinh	Tổ 5, P. Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi	Khuyết tật	150.000	9	1.350.000	
14	Mai Hoàng Thu Trang	11B12	Kinh	Thôn Kon Rơ Lang, xã Đắk Rơ Wà, tỉnh Quảng Ngãi	Thôn DBKK	150.000	9	1.350.000	
15	Dương Bùi Tuấn Đạt	11B12	Kinh	Thôn Kon Jri Xút, xã Đắk Rơ Wà, tỉnh Quảng Ngãi	Thôn DBKK	150.000	9	1.350.000	
16	Trần Nguyễn Yến Nhi	12C3	Kinh	Thôn Kon Klung, xã Kon Plong, tỉnh Quảng Ngãi	Thôn DBKK	150.000	9	1.350.000	
17	Phạm Nguyễn Bảo Nghi	12C9	Kinh	Tổ 1, Phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi	Khuyết tật	150.000	9	1.350.000	
18	Đỗ Thanh Tú	12C11	Kinh	Tổ 1, Phường Đắk Cấm, tỉnh Quảng Ngãi	Khuyết tật	150.000	9	1.350.000	
Tổng cộng								24.300.000	

Danh sách có : 18 học sinh